

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 07-4 - 2021.

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thoan;
Ông Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T; cùng địa chỉ: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Ông B, bà T có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th; cùng địa chỉ: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức Đ; địa chỉ: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị - Là đại diện theo ủy quyền (*Giấy ủy quyền ngày 02/11/2020*), có mặt.

Người làm chứng: Bà Hồ Thị N; địa chỉ: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T trình bày:

Gia đình ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T có quyền sử dụng thửa

đất số 229a, tờ bản đồ số 02, diện tích 81m² đã được UBND thị xã Đông Hà (*nay là thành phố Đông Hà*), tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 105084 ngày 23/4/2008 mang tên người sử dụng đất Trần Đức B và Hoàng Thị Thanh T; địa chỉ thửa đất: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Gia đình ông B, bà T đã xây dựng nhà ở kiên cố trên thửa đất được cấp theo Giấy phép xây dựng số 179/GPXD ngày 08/5/2008 của UBND thị xã Đông Hà (*nay là thành phố Đông Hà*).

Tuy nhiên, hiện tại phần đất phía sau của ông B, bà T đang bị hộ liền kề là ông Nguyễn Đức P, bà Trần Thị Thanh Th lấn chiếm, sử dụng trái phép.

Ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm với diện tích 15,73m². Trong đó: Phần diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 9,2m² và phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ở phía trước đường Tô Ngọc Vân.

Tại đơn xin trình bày ngày 31/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Mảnh đất của ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th có nguồn gốc từ năm 1975, do ông Nguyễn Đức S (*ông nội ông P*) đã khai hoang phục hóa để làm nhà ở. Trước lúc làm nhà ở, trên mảnh đất có một ranh giới giữa hộ ông Nguyễn Đức S và ông D là hàng rào tre. Ông Nguyễn Đức S đã xin phép ông D phá hàng rào tre để làm nhà vào năm 2000 và sống ổn định cho đến nay, do có hàng rào tre nên diện tích đất của ông P bà Th được tăng thêm 12m².

Thửa đất của ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T có diện tích 81m² được Ủy ban nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/4/2008. Tuy nhiên, ông B bà T xây dựng nhà ở với diện tích 220m², lớn hơn rất nhiều so với diện tích được cấp. Mặt khác, ông Nguyễn Đức P, bà Trần Thị Thanh Th xây dựng nhà ở vào năm 2000, ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T xây dựng nhà ở vào năm 2009 và tại thời điểm đó đã xây một bức tường làm ranh giới ngăn cách giữa hai gia đình nên ông B bà T cho rằng ông P bà Th lấn chiếm đất là không có căn cứ. Vì vậy, ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 170 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức B, bà Hoàng Thị Thanh T. Buộc ông Nguyễn Đức P, bà Trần Thị Thanh Th phải trả số tiền 26.477.600 đồng (giá trị phần diện tích 9,2m²) cho ông Trần Đức B, bà Hoàng Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Đức B, bà Hoàng Thị Thanh T với ông Nguyễn Đức P, bà Trần Thị Thanh Th là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của nguyên đơn:

Nguồn gốc đất của ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T được xác định: Thửa đất số 229a, tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp ngày 23/4/2008 với diện tích 81m² (đất ở đô thị) có nguồn gốc của ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Kh.

Ngày 08/4/2004, ông D bà Kh đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trịnh Trung D và bà Trần Thị G (địa chỉ Phường A, thị xã Đông Hà), được UBND thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà) cấp Giấy CNQSD đất số D627050 ngày 07/5/2004.

Ngày 06/12/2005, ông D bà G đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hồ Xuân V1 và bà Hồ Thị V2 (địa chỉ xã AV, huyện Đakrông), đã được UBND thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà) cấp Giấy CNQSD đất số AD 218417 ngày 21/6/2006.

Ngày 13/3/2008, ông V1 bà V2 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T (địa chỉ Khu phố M, Phường A, thị xã Đông Hà), đã được UBND thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà) cấp Giấy CNQSD đất số AL 105084 ngày 23/4/2008.

Qua các lần chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thửa đất số 229a, tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị đều thống nhất về vị trí giới hạn, cụ thể:

- Phía Bắc: Giáp đường Đinh Tiên Hoàng với hình chóp nhọn;
- Phía Nam: Giáp hộ ông Nguyễn Đức S rộng 6,0m;
- Phía Đông: Giáp đất ông D dài 17,9m;

- Phía Tây: Giáp đường khu vực một cạnh dài 7,45m và R vòng cung.

Về hiện trạng sử dụng đất: Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án đã tiến hành ngày 25/11/2020 và sơ đồ hiện trạng thửa đất xác định được như sau:

- Phía Bắc: Giáp đường Đình Tiên Hoàng với hình chóp nhọn;

- Phía Nam: Giáp hộ ông Nguyễn Đức S (nay là hộ ông Nguyễn Đức P bà Trần Thị Thanh Th) rộng 6,0m;

- Phía Đông: Giáp đất ông D (nay là đất ông T) dài 16,35m;

- Phía Tây: Giáp đường khu vực (nay đường Tô Ngọc Vân) một cạnh dài 5,90m + R 12,0m.

Ngoài diện tích được cấp theo Giấy CNQSD đất, hộ ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T thực tế sử dụng tăng thêm là 110m^2 ($44\text{m}^2 + 61\text{m}^2 + 5\text{m}^2$) thể hiện tại các ký hiệu (1) + (2) + (9) trong sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 25/11/2020.

[2.2] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bị đơn:

Thửa đất của ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th có nguồn gốc từ năm 1975, do ông Nguyễn Đức S (ông nội ông P) sử dụng. Đất của ông P bà Th hiện chưa được cấp Giấy CNQSD đất. Tại sơ đồ quản lý đất đai của UBND Phường A, thành phố Đông Hà thể hiện đất ông P bà Th ở thửa đất số 269, tờ bản đồ số 02, diện tích 99m^2 . Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 25/11/2020 thể hiện diện tích sử dụng thực tế của ông P bà Th là $114,2\text{m}^2$.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy CNQSD đất số AL 105084 ngày 23/4/2008 của UBND thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà) cấp cho ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T với diện tích 81m^2 . Theo Giấy phép xây dựng số 179/GPXD ngày 08/5/2008 kèm theo giấy giao mặt bằng xây dựng nhà ở của UBND thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà) cấp cho ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T được phép xây dựng công trình trên số thửa 229a, tờ bản đồ số 02, diện tích 81m^2 . Căn cứ vào kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2020 thể hiện diện tích hiện trạng theo Giấy CNQSD đất được cấp còn lại $72,8\text{m}^2$; cụ thể cạnh phía Đông thiếu 1,55m, cạnh phía Tây thiếu 1,55m. Hiện trạng phần đất còn thiếu theo Giấy CNQSD đất của ông B bà T thể hiện trong sơ đồ hiện trạng ký hiệu ở vị trí (5), (6) và (7) với các cạnh phía Đông và phía Tây cùng chiều dài 1,55m, cạnh phía Nam và phía Bắc cùng chiều rộng 6,0m đang do ông P bà Th đang sử dụng. Cụ thể, cạnh phía Đông có chiều dài $16,35 + 1,55 = 17,9$ (đủ theo Giấy CNQSD đất); cạnh phía Tây có chiều dài $5,90 + 1,55 = 7,45$ (đủ theo Giấy CNQSD đất); cạnh phía Nam $2,75 + 3,25 = 6,00$ (đủ theo Giấy CNQSD đất). Vì vậy, có cơ sở xác

định hộ ông P bà Th sử dụng lấn chiếm qua đất của ông B bà T là $9,2\text{m}^2$ (ký hiệu tại các vị trí (5) + (6) + (7) trên sơ đồ hiện trạng thửa đất).

Hiện trạng sử dụng đất của các bên, thể hiện hai hộ gia đình đã xây dựng công trình nhà ở ổn định, ranh giới giữa hai nhà là hàng rào xây dựng bằng gạch blô cao khoảng 40cm. Trên diện tích đất tranh chấp, ông P bà Th đã xây dựng nhà ở và mái che bằng tôn, theo biên bản làm việc ngày 03/02/2021 ông P xác định trên phần diện tích này gia đình xây dựng công trình phụ, phía dưới đất có xây dựng hầm chứa, bể phốt. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông P, bà Th phải trả lại cho ông B, bà T diện tích $9,2\text{m}^2$ theo Giấy CNQSD đất số AL 105084 ngày 23/4/2008 là có căn cứ. Tuy nhiên, trên phần đất này ông P bà Th đã xây dựng công trình nhà ở kiên cố, việc tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu công trình và thẩm mỹ thửa đất của hai gia đình. Mặt khác, khi được cấp giấy phép xây dựng kèm theo giấy giao mặt bằng xây dựng nhà ở ngày 08/5/2008 của UBND thị xã Đông Hà (*nay là thành phố Đông Hà*) nhưng ông B, bà T lại không có ý kiến gì về việc bàn giao không đúng mốc giới theo Giấy CNQSD đất đã được cấp nên cũng có một phần lỗi của ông B, bà T.

Để bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên, cần buộc ông P, bà Th phải trả cho ông B, bà T bằng một khoản tiền tương ứng với diện tích đất lấn chiếm. Theo Hội đồng định giá tài sản (được thành lập theo Quyết định số 09/2020/QĐ-ĐG ngày 16/11/2020), căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, xác định: Thửa đất của ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T tiếp giáp với đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ đường Bùi Dục Tài đến mương thủy lợi) thuộc loại đường 4d và đường Tô Ngọc Vân thuộc loại đường 4d, có giá trị $2.878.000\text{đ}/\text{m}^2$. Cụ thể $9,2\text{m}^2 \times 2.878.000\text{đ}/\text{m}^2 = 26.477.600$ đồng (*Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm đồng*).

[2.4] Đối với yêu cầu của ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T buộc ông P, bà Th phải trả phần đất $6,53\text{m}^2$ ($15,73\text{m}^2 - 9,2\text{m}^2$) ở phía ngoài tiếp giáp với đường Tô Ngọc Vân, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tiếp giáp với đường Tô Ngọc Vân hiện có một phần ông P, bà Th đang sử dụng, còn lại nằm ngoài thuộc hành lang đường Tô Ngọc Vân do Nhà nước đang quản lý. Diện tích đất này nằm ngoài Giấy CNQSD đất cấp cho ông B, bà T, quá trình giải quyết tại Tòa án ông B, bà T không chứng minh được phần đất này là của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Về tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào ngày 25/11/2020: Nguyên đơn ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.274.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp

nhận nên khoản tiền chi phí tố tụng này buộc ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th phải chịu theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền chi phí tố tụng này cho ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T.

[4] Về án phí:

- Ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận $[26.477.600 \text{ đồng} \times 5\%] = 1.323.800 \text{ đồng}$.

- Ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T:

- Buộc ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th phải trả cho nguyên đơn ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất là 9,2m² có giá trị thành tiền là **26.477.600 đồng** (*Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm đồng*). Ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 9,2m² thuộc thửa đất số 229a, tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Khu phố TT, Phường A, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Phần diện tích 9,2m² bị lấn chiếm có các cạnh như sau:

Phía Bắc giáp thửa đất số 229a của ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T có chiều rộng: 6,0m.

Phía Nam giáp với thửa đất của ông Nguyễn Đức P bà Trần Thị Thanh Th chiều rộng: 6,0m(2,75m + 3,25m).

Phía Đông giáp với thửa đất của ông T chiều dài: 1,55m.

Phía Tây giáp với phần đất của ông P bà Th đang sử dụng chiều rộng: 1,55m. (*Có Sơ đồ đo vẽ hiện trạng ranh giới thửa đất ngày 25/11/2020 kèm theo*)

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T đối với diện tích đất là 6,53m² nằm ngoài Giấy CNQSD đất đã được cấp.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Trần Đức B bà Hoàng Thị Thanh T; ông Nguyễn Đức P bà Trần Thị Thanh Th liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh phần diện tích đất trên theo Sơ đồ đo vẽ hiện trạng ranh giới thửa đất ngày 25/11/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị-Chi nhánh thành phố Đông Hà.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th giao trả cho ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T số tiền xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.274.000 đồng (*Hai triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Đức P và bà Trần Thị Thanh Th phải chịu **1.323.800** đồng (*Một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Trần Đức B và bà Hoàng Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000776 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Sơn